TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/DSST
Ngày: 25-7-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.
Các Hội thẩm nhân dân: ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Đào Thị Ngâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỳ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: ông Đặng Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2024/TLST-DS ngày 08/4/2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-DS ngày 11/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thảo N, sinh năm 1991; Địa chỉ: 4 N, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh Võ Hoàng Q, sinh năm 1991; Địa chỉ: 1 N, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Bích H, sinh năm 1987; Địa chỉ: 8 N, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên toà và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 02/4/2024 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 01/7/2024, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Võ Hoàng Q trình bày: Vì chỗ hàng xóm láng giềng, vì cần tiền làm ăn nên ngày 12/01/2023 chị H có mượn chị N 01 cây vàng loại bốn số 9999 và hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả lại cho chị N. Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng 1.000.000 đồng/tháng. Khi mượn, chị H có viết giấy mượn vàng và ký tên để làm bằng chứng. Ngoài ra, vào khoảng tháng 7 năm 2023 chị N còn cho chị H mượn số tiền là 20.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ và lãi suất. Đối với khoản tiền mượn này, chị H không viết giấy mượn tiền nhưng sau khi mượn tiền chị H đã trả được 5.000.000 đồng nợ gốc, ngoài ra chị H không trả số vàng, tiền nợ gốc và lãi nào khác cho chị N. Nhiều lần chị N liên hệ chị H để yêu

cầu trả nợ thì chị H trốn tránh không muốn trả nợ. Do đó, chị N khởi kiện và yêu cầu chị H phải trả số vàng là 01 cây vàng loại 4 số 9999 và số tiền còn nợ 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

* Tại bản tự khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/6/2024, bị đơn chị Trần Thị Bích H trình bày được tóm tắt như sau: Tôi xác nhận có mượn của chị N số tiền 20.000.000 đồng (đã trả được 5.000.000 đồng) và 01 cây vàng 4 số 9999. Vì hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần số nợ nêu trên, hàng tháng 300.000 đồng cho đến khi trả hết nợ và xin không tính lãi suất.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn yêu cầu bị đơn chị H trả 01 cây vàng loại 4 số 9999 và số tiền 15.000.000 đồng. Đối với vàng, nguyên đơn không yêu cầu quy giá trị cây vàng theo giá thị trường để buộc bị đơn trả mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả đúng số vàng đã cho mượn.

Bị đơn chị Trần Thị Bích H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng qui định. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 01 cây vàng loại 4 số 9999 mà không yêu cầu tính giá trị cây vàng theo giá thị trường nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N, buộc bị đơn chị H phải trả cho nguyên đơn số vàng là 01 cây vàng bốn số 9999 và số tiền 15.000.000 đồng. Về lãi, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số vàng và số tiền nợ về khoản vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự. Bị đơn chị Trần Thị Bích H có nơi cư trú tại 8 N, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Bích H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về nợ gốc: Nguyên đơn chị Lê Thị Thảo N khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Bích H trả số vàng là 01 cây vàng bốn số 9999 và số tiền vay 15.000.000 đồng, kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp bản gốc giấy mượn tiền đề ngày 12/01/2023 do chị Trần Thị Bích H ký xác nhận. Căn cứ vào

giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp có nội dung chị Trần Thị Bích H mượn chị Lê Thị Thảo N số vàng là 01 cây vàng bốn số 9999 và hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả lại cho chị N. Ngoài ra vào khoảng tháng 7 năm 2023 chị N còn cho chị H mượn số tiền là 20.000.000 đồng, hai bên không viết giấy mượn tiền.Tuy nhiên, tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/6/2024, bị đơn chị H thừa nhận có mượn nguyên đơn chị N số vàng là 01 cây vàng bốn số 9999 và số tiền 20.000.000 đồng, đã trả lại cho chị N 5.000.000 đồng, hiện còn nợ chị N số vàng là 01 cây vàng bốn số 9999 và số tiền 15.000.000 đồng.

Như vậy, việc chị N cho chị H mượn 01 cây vàng bốn số 9999 và số tiền 20.000.000 đồng là có thật, và chị H đã trả được 5.000.000 đồng, hiện còn nợ số vàng là 01 cây vàng bốn số 9999 và số tiền 15.000.000 đồng. Sau khi vay, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn chị H phải trả cho nguyên đơn chị N số vàng là 01 cây vàng bốn số 9999 và số tiền vay 15.000.000 đồng.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Đương sự không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời gian, phương thức trả nợ: Xét thấy, bị đơn chị H xin trả dần hàng tháng 300.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên yêu cầu của bị đơn chị H không được nguyên đơn chị N chấp nhận nên yêu cầu của chị H là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn chị H phải chịu 3.827.500 đồng *(5% x 7.655.000 đồng/chỉ (giá vàng tại thời điểm xét xử ngày 25/7/2024) x 01 cây vàng (01 cây vàng =10 chỉ)* + 750.000 đồng *(5% x 15.000.000 đồng)* = 4.577.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thảo N. Buộc bị đơn chị Trần Thị Bích H phải trả cho nguyên đơn chị Lê Thị Thảo N số vàng là 01 *(một)* cây vàng 04 *(bốn)* số 9999 và số tiền 15.000.000 đồng *(mười lăm triệu đồng)* về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật *(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án)* hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí : Bị đơn chị Trần Thị Bích H phải chịu 4.577.500 đồng *(bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Lê Thị Thảo N số tiền tạm ứng án phí 1.750.000 đồng *(một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002392 ngày 08/4/2024 và 375.000 đồng *(ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002686 ngày 02/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luậtthi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dânsự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hànhán hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thihành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp . T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang